

Bản án số: 133/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa - Thẩm phán:* Ông Tô Văn Mạnh.

*Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phan Minh Thanh.

Bà Lê Thị Thanh Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 02/02/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2021 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Hùng P, sinh năm 1977, địa chỉ: Lê Văn T, phường MM, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, nơi cư trú cuối cùng: 100 Nguyễn Văn L, Phường MB, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Nguyễn Minh Hùng P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 2007, tại Ủy ban nhân dân phường 17, quận G, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 123 Quyền số 01/2007 ngày 27/08/2007. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn nên năm 2017 bà T đã bỏ nhà ra đi không rõ. Ông P đã liên hệ người thân tìm kiếm nhưng không biết tin tức gì về bà T.

Ông P đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc tuyên bố bà T mất tích và đã đăng trên báo, đài phát thanh đề tìm kiếm bà T nhưng đã hơn 04 tháng vẫn không có tin tức gì của bà T.

Ngày 17/12/2020 Tòa án nhân dân quận G đã ra Quyết định số 420/2020/QĐDS-ST, tuyên bố bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Nơi cư trú cuối cùng số Nguyễn Văn L, Phường MB, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là đã mất tích.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân quận G giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: ông P khai không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã bị Tòa án nhân dân quận G tuyên bố là mất tích, theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 420/2020/QĐDS-ST, ngày 17/12/2020. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về tố tụng:*

*Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ông Nguyễn Minh Hùng P xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T, đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T có nơi cư trú cuối cùng là quận G, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo qui định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### *Về người tham gia tố tụng:*

Nguyên đơn ông P vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà T đã bị Tòa án tuyên bố là mất tích. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

#### *[2] Xét yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường MB, quận G, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Minh Hùng P và bà Nguyễn Thị T ngày 27/08/2007, đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà T là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Quyết định giải quyết việc dân sự số 420/2020/QĐDS-ST, ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân quận G, thì bà Nguyễn Thị T đã mất tích. Ông P yêu cầu ly hôn với bà T thuộc trường hợp xin ly hôn với người bị Tòa án tuyên bố mất tích.

Theo khoản 2 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.*

Như vậy, yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà T là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: ông P khai không có nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng ông P chịu.  
Bởi các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh Hùng P đối với bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Hùng P được ly hôn với bà Nguyễn Thị T (Giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường MB, quận G, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông P, bà T ngày 27/08/2007 không còn giá trị).

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông P chịu, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai số 0027750 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Ông P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND q.G;
- CCTHADS q.G;
- UBND p17, q. G,
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Tô Văn Mạnh**